

## ĐẶC TRƯNG NGHỆ THUẬT VÀ KỸ THUẬT CHẾ BẢN TRONG TRANH KHẮC KIM LOẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Thị Khuyên<sup>1</sup>

*Tóm tắt:* Tranh khắc kim loại là một trong những kỹ thuật in đồ họa phức tạp, đòi hỏi sự kết hợp cao giữa kiến thức chất liệu, kỹ năng chế bản và tư duy tạo hình. Trong bối cảnh điều kiện đào tạo và cơ sở vật chất cho nghệ thuật đồ họa tại Việt Nam còn hạn chế, tranh khắc kim loại vẫn phát triển mạnh mẽ từ sau năm 1976, thể hiện ở sự đa dạng về kỹ thuật, màu sắc, ánh sáng, đường nét và không gian trong sáng tác. Bài báo phân tích đặc trưng kỹ thuật của tranh khắc kim loại Việt Nam đương đại, làm rõ vai trò của ánh sáng và màu sắc trong ngôn ngữ biểu đạt, đồng thời khảo sát đường nét và cách tổ chức không gian trong một số tác phẩm tiêu biểu của các họa sĩ như Lê Huy Tiếp, Đặng Minh Thành, Nguyễn Hải Hòa, Bảo Tân, Nguyễn Nghĩa Phương... Kết quả cho thấy tranh khắc kim loại Việt Nam hiện nay đã hình thành bản sắc riêng, kết hợp hài hòa giữa kỹ thuật truyền thống và các phương pháp hiện đại, khẳng định vị trí của loại hình này trong đời sống mỹ thuật đương đại.

*Từ khóa:* tranh khắc kim loại; in lõm; đồ họa, đồ họa Việt Nam đương đại.

### 1. MỞ ĐẦU

Trong nghệ thuật đồ họa, tranh in khắc kim loại giữ vị trí đặc biệt bởi quy trình kỹ thuật phức tạp gồm nhiều công đoạn như phủ chất chống axit, khắc, bào mòn, tạo vân hạt, pha mực, chùi mực và in ép trên giấy. Tại Việt Nam, điều kiện vật tư và trang thiết bị cho tranh in còn hạn chế, khiến số họa sĩ chuyên sâu về kỹ thuật này không nhiều. Tuy nhiên, từ sau năm 1976, tranh khắc kim loại Việt Nam đã có bước phát triển đáng kể, với sự mở rộng về kỹ thuật gồm in lõm truyền thống, mezzotint, aquatint, cảm quang, in đa bản và in màu trên một bản.

Bên cạnh yếu tố cơ giới, tranh khắc kim loại còn hấp dẫn bởi ngôn ngữ tạo hình đặc thù: ánh sáng – màu sắc – đường nét – không gian, tạo nên giá trị thẩm mỹ và chiều sâu biểu cảm của tác phẩm. Bài báo hướng đến phân tích các đặc trưng kỹ thuật ấy nhằm góp phần nhận diện bản sắc và sự tiến triển của tranh khắc kim loại Việt Nam trong bối cảnh đương đại.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích – tổng hợp tài liệu kết hợp với phân tích mỹ thuật học nhằm làm rõ các yếu tố tạo hình như ánh sáng, màu sắc, đường nét và không gian trong tranh khắc kim loại Việt Nam đương đại. Đồng thời, phương pháp khảo sát và phân tích tác phẩm tiêu biểu của một số họa sĩ được triển khai để nhận diện đặc trưng kỹ thuật chế bản và ngôn ngữ biểu đạt. Bên cạnh đó, phương pháp so sánh – đối chiếu giữa

---

<sup>1</sup> Xưởng vẽ 91

các kỹ thuật và phong cách sáng tác được vận dụng nhằm chỉ ra sự phát triển và biến đổi của loại hình này trong bối cảnh mỹ thuật đương đại.

## 2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Sự phát triển của kỹ thuật tranh khắc kim loại Việt Nam đương đại

Sau năm 1976, cùng với quá trình phục hồi và phát triển của đời sống mỹ thuật trong nước, nhu cầu mở rộng phương tiện biểu đạt trong nghệ thuật đồ họa đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự hình thành và phát triển của tranh khắc kim loại tại Việt Nam. Các cơ sở đào tạo mỹ thuật từng bước xây dựng và khôi phục hệ thống xưởng in, qua đó tạo lập môi trường thực hành và nghiên cứu chất liệu cho sinh viên và nghệ sĩ. Đồng thời, hoạt động giao lưu chuyên môn với nghệ sĩ quốc tế và các chương trình trao đổi học thuật đã góp phần mở rộng khả năng tiếp cận với các kỹ thuật in hiện đại, từ đó thúc đẩy sự phát triển và đa dạng hóa ứng dụng của kỹ thuật in lõm trong bối cảnh mỹ thuật đương đại.

Trên nền tảng đó, các họa sĩ Việt Nam đã chủ động tiếp nhận và thử nghiệm nhiều phương pháp kỹ thuật như mezzotint (tạo sắc độ sâu và mượt), aquatint (tạo bề mặt hạt và sắc độ trung gian), kỹ thuật cảm quang (photo-etching), in độc bản màu, cũng như các hình thức in đa bản (composite printmaking). Việc vận dụng linh hoạt các kỹ thuật này không chỉ nâng cao khả năng diễn đạt các yếu tố tạo hình như ánh sáng, màu sắc và chất cảm bề mặt kim loại, mà còn góp phần mở rộng ngôn ngữ tạo hình, hình thành những hướng tiếp cận mới về biểu đạt và thẩm mỹ trong tranh khắc kim loại Việt Nam đương đại.

Tuy nhiên, quá trình tiếp thu kỹ thuật hiện đại này cần được đặt trong mối quan hệ so sánh với bối cảnh quốc tế để làm rõ đặc trưng riêng của tranh khắc kim loại Việt Nam. Trên bình diện quốc tế, đặc biệt tại châu Âu và Bắc Mỹ, các kỹ thuật in lõm như etching, mezzotint hay aquatint đã được chuẩn hóa từ sớm và phát triển theo hướng đề cao tính chính xác kỹ thuật, khả năng kiểm soát sắc độ tinh vi và tính tái bản cao. Nghệ sĩ phương Tây thường khai thác triệt để tính vật chất của kim loại nhằm đạt đến độ hoàn thiện kỹ thuật, đồng thời kết hợp với tư duy tổ chức không gian mang tính cấu trúc và phối cảnh rõ ràng.

Trong khi đó, tại Việt Nam, các nghệ sĩ không đơn thuần tiếp nhận các kỹ thuật này như những quy trình mang tính chuẩn mực, mà có xu hướng điều chỉnh linh hoạt để phù hợp với tư duy tạo hình mang tính biểu cảm và cảm xúc. Nếu tranh khắc kim loại phương Tây thường hướng đến sự sắc nét, chính xác và tính hệ thống trong xử lý hình – nền, thì tranh khắc kim loại Việt Nam lại thiên về tính gợi, sự mềm hóa hình ảnh và chiều sâu tâm lý. Sự khác biệt này thể hiện rõ trong cách xử lý sắc độ và bề mặt: thay vì tối ưu hóa độ tương phản mạnh, nhiều nghệ sĩ Việt Nam sử dụng gam màu trầm, sắc độ chuyển nhẹ và hệ thống đường nét mang tính thủ công, tạo nên cảm giác gần gũi và giàu chất tự sự.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh quốc tế đương đại, tranh khắc kim loại có xu hướng mở rộng sang các hình thức lai ghép, kết hợp với công nghệ số và các phương tiện đa chất liệu nhằm vượt ra khỏi giới hạn truyền thống của đồ họa. Tại Việt Nam, những xu hướng

này bước đầu được tiếp nhận, song vẫn chủ yếu gắn với nền tảng kỹ thuật thủ công và cảm quan thẩm mỹ truyền thống. Điều này tạo nên một trạng thái giao thoa đặc thù, trong đó yếu tố hiện đại và truyền thống không đối lập mà cùng tồn tại và bổ sung cho nhau.

Từ góc độ so sánh, có thể nhận thấy rằng tranh khắc kim loại Việt Nam đương đại không chỉ là kết quả của quá trình tiếp thu kỹ thuật từ bên ngoài, mà còn là sự tái cấu trúc các yếu tố kỹ thuật trong một bối cảnh văn hóa – thẩm mỹ riêng biệt. Chính sự khác biệt trong cách tiếp cận kỹ thuật, trong mức độ ưu tiên giữa tính chính xác và tính biểu cảm, cũng như trong mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại đã góp phần hình thành bản sắc riêng của tranh khắc kim loại Việt Nam trong tương quan với nghệ thuật đồ họa quốc tế.

Để làm rõ hơn quá trình tiếp thu và chuyển hóa kỹ thuật trong tranh khắc kim loại Việt Nam đương đại, việc đặt loại hình này trong tương quan so sánh với bối cảnh quốc tế là cần thiết. Cách tiếp cận này không chỉ giúp nhận diện những điểm tương đồng về phương diện kỹ thuật, mà còn làm nổi bật các khác biệt trong tư duy tạo hình, cách xử lý chất liệu và định hướng thẩm mỹ giữa các nền nghệ thuật. Trên cơ sở đó, có thể thấy rằng sự phát triển của tranh khắc kim loại tại Việt Nam không đơn thuần là sự tiếp nhận các chuẩn mực kỹ thuật từ bên ngoài, mà là quá trình lựa chọn, điều chỉnh và tái cấu trúc nhằm phù hợp với bối cảnh văn hóa và cảm quan nghệ thuật bản địa. Những đặc điểm này được hệ thống hóa và khái quát trong bảng so sánh dưới đây.

Tiêu chí	Tranh khắc kim loại quốc tế (Châu Âu – Bắc Mỹ)	Tranh khắc kim loại Việt Nam đương đại
<b>Lịch sử phát triển</b>	Phát triển sớm, được chuẩn hóa từ thế kỷ XVII–XVIII	Tiếp cận muộn hơn, phát triển mạnh từ sau 1976
<b>Định hướng kỹ thuật</b>	Nhấn mạnh tính chính xác, chuẩn mực kỹ thuật và khả năng tái bản	Linh hoạt, kết hợp kỹ thuật với biểu cảm cá nhân
<b>Xử lý sắc độ</b>	Kiểm soát sắc độ chặt chẽ, tương phản rõ, độ chuyển tinh vi	Sắc độ mềm, chuyển nhẹ, thiên về cảm xúc và gợi tả
<b>Đường nét</b>	Nét rõ, sắc, mang tính cấu trúc và mô tả hình khối	Nét mang tính thủ công, biểu cảm, đa dạng nhịp điệu
<b>Màu sắc</b>	Thường trung tính, thiên về đen – trắng hoặc hệ màu kiểm soát cao	Ưu chuộng gam trầm (nâu, đỏ đất, xanh xám), giàu tính tự sự
<b>Tổ chức không gian</b>	Dựa nhiều vào phối cảnh tuyến tính và cấu trúc hình học	Không gian gợi, phân lớp bằng sắc độ và nét, ít lệ thuộc phối cảnh
<b>Tính biểu đạt</b>	Thiên về phân tích hình thức và cấu trúc thị giác	Thiên về biểu cảm, nội tâm và tính tự sự
<b>Vai trò chất liệu</b>	Khai thác tối đa đặc tính vật lý kim loại để đạt độ hoàn thiện kỹ thuật	Kết hợp chất liệu với cảm quan thẩm mỹ và thủ pháp cá nhân

<b>Xu hướng đương đại</b>	Mạnh về hybrid: kết hợp digital, đa chất liệu	Bắt đầu tiếp cận hybrid nhưng vẫn thiên về thủ công truyền thống
<b>Bản sắc nghệ thuật</b>	Tính quốc tế cao, mang tính hệ thống và chuẩn hóa	Bản sắc riêng dựa trên sự dung hòa giữa kỹ thuật hiện đại và cảm quan văn hóa bản địa

**Bảng 1.** So sánh đặc trưng tranh khắc kim loại Việt Nam và quốc tế

## 2.2. Đặc trưng kỹ thuật ánh sáng và màu sắc

### 2.2.1. Vai trò của ánh sáng và màu sắc

Ánh sáng và màu sắc là yếu tố trung tâm trong cấu trúc hình – nền, mảng chính – phụ, đồng thời định hướng cảm xúc, tạo không khí và truyền tải chủ đề của tác phẩm. Trong tranh khắc kim loại, ánh sáng không tồn tại tự nhiên mà được chủ động kiến tạo bởi nghệ sĩ thông qua mật độ nét, độ sâu của rãnh khắc, cách chừa sáng và độ tương phản bản in.

Màu sắc trong kỹ thuật in lõm thường mang gam trầm do chịu ảnh hưởng của lớp bản nét đen hoặc nâu đậm. Điều này giúp tăng cường cảm giác về chất, khối và bề mặt kim loại, đồng thời tạo sự hài hòa với ánh sáng để nhấn mạnh chiều sâu không gian cũng như sắc thái cảm xúc của tác phẩm (Dondis, 1973).

### 2.2.2. Kỹ thuật xử lý ánh sáng

Trong tranh khắc kim loại, ánh sáng được kiến tạo chủ động thông qua nhiều phương pháp kỹ thuật khác nhau nhằm tạo nên hệ thống sắc độ và chiều sâu thị giác. Một trong những kỹ thuật cơ bản là chừa sáng, theo đó bề mặt kim loại được phủ nhựa đường, sáp hoặc vecni chống axit, sau đó nghệ sĩ cạy mở những vùng cần giữ sáng, tạo nên sự tương phản trực tiếp giữa sáng – tối. Bên cạnh đó, kỹ thuật mezzotint cho phép tạo sắc độ mượt và sâu bằng cách làm nhám hoàn toàn bề mặt kim loại rồi mài sáng dần từng khu vực; phương pháp này mang lại hiệu ứng chuyển độ mềm mại và giàu tính biểu cảm. Kỹ thuật aquatint, với việc rắc nhựa thông để hình thành các hạt stram, giúp mở rộng dải sắc độ trung gian và tạo bề mặt hạt phong phú. Ngoài ra, nghệ sĩ còn kết hợp linh hoạt nét và mảng – thông qua sự thay đổi nét dày – mảnh, nông – sâu – để tổ chức ánh sáng và hình khối một cách chặt chẽ.

### 2.2.3. Kỹ thuật xử lý màu sắc

Trong tranh khắc kim loại, màu sắc được triển khai chủ yếu qua hai phương thức in màu cơ bản. Thứ nhất là in màu tách bản, theo đó mỗi màu được thực hiện trên một bản khắc riêng biệt; các bản màu được in lần lượt và cuối cùng là bản nét nhằm hoàn thiện hình ảnh và tăng độ sắc cho toàn bộ bố cục. Thứ hai là in màu trên một bản, cho phép nghệ sĩ pha và bôi nhiều màu trực tiếp lên cùng một tấm kim loại trước khi in. Phương pháp này đòi hỏi kỹ năng kiểm soát mực tinh tế,

### 2.3. Đặc trưng đường nét và ngôn ngữ tạo hình

Trong tranh khắc kim loại, đường nét không chỉ đảm nhiệm chức năng mô tả hình thái của sự vật mà còn giữ vai trò như một phương tiện biểu đạt thẩm mỹ có tính chủ động, góp phần kiến tạo nhịp điệu thị giác và định hình “tính cách” của hình ảnh. Khác với hội họa vẽ tay, nơi đường nét có thể linh hoạt biến đổi theo thao tác trực tiếp, trong kỹ thuật in lõm, mỗi nét khắc đều mang dấu ấn vật chất rõ rệt của quá trình tác động lên bề mặt kim loại. Do đó, đường nét không chỉ là yếu tố hình học mà còn là kết quả của sự tương tác giữa công cụ, lực tác động và chất liệu, từ đó tạo nên một hệ thống ngôn ngữ tuyến tính giàu tính biểu cảm và đặc thù.

Xét về phương diện thị giác, các dạng nét khác nhau tạo ra những hiệu ứng cảm xúc riêng biệt, góp phần định hướng cách tiếp nhận của người xem. Nét ngang thường tạo cảm giác ổn định, cân bằng và tĩnh tại, thích hợp cho việc biểu đạt trạng thái yên bình hoặc lắng đọng; nét dọc gợi sự vươn lên, trang nghiêm, đôi khi mang sắc thái lạnh và khép kín; nét xiên với xu hướng phá vỡ trục cân bằng mang lại cảm giác chuyển động, căng thẳng và kịch tính; trong khi đó, nét cong lại thiên về sự mềm mại, uyển chuyển và giàu tính nhịp điệu. Tuy nhiên, trong thực hành sáng tác, các dạng nét này hiếm khi tồn tại độc lập mà thường được kết hợp linh hoạt, tạo nên một cấu trúc tuyến tính phức hợp, trong đó các giá trị cảm xúc được đan xen và chuyển hóa liên tục.

Đặc biệt, trong kỹ thuật khắc kim loại, các biến số như độ sâu – nông của rãnh khắc, độ dày – mảnh của nét, cũng như mật độ phân bố tuyến tính đóng vai trò quyết định trong việc hình thành sắc độ và chất cảm bề mặt. Không giống như việc tô đậm nhạt bằng bút vẽ, sắc độ trong tranh in lõm được tạo ra thông qua sự tích lũy của hệ thống nét khắc, nơi mỗi nét vừa là đơn vị tạo hình vừa là yếu tố cấu thành ánh sáng và không gian. Chính cơ chế này khiến cho đường nét trở thành cầu nối giữa hình và nền, giữa cấu trúc và cảm xúc, đồng thời tạo nên bề mặt thị giác có chiều sâu và độ rung cảm đặc trưng (Trần Ngọc Thọ, 2010).

Từ góc độ mỹ thuật học, có thể thấy rằng đường nét trong tranh khắc kim loại không chỉ là yếu tố tạo hình cơ bản mà còn là thành tố trung tâm trong việc hình thành ngôn ngữ tạo hình của loại hình này. Ngôn ngữ ấy được kiến tạo thông qua sự tương tác giữa hệ thống nét khắc, sắc độ in lõm, đặc tính vật chất của kim loại và tư duy tổ chức mảng hình của nghệ sĩ. Mỗi lựa chọn về cách xử lý nét – từ việc nhấn mạnh, tiết chế đến chùng lóp – đều phản ánh một quan niệm thẩm mỹ và một cách nhìn về thế giới. Do đó, thông qua cấu trúc đường nét, người xem không chỉ nhận diện hình ảnh mà còn tiếp cận được chiều sâu tư tưởng, trạng thái cảm xúc và phong cách cá nhân của nghệ sĩ.

Như vậy, có thể khẳng định rằng đường nét trong tranh khắc kim loại Việt Nam đương đại đã vượt ra khỏi chức năng mô tả thuần túy để trở thành một hệ thống ký hiệu thị giác giàu tính biểu đạt. Chính sự kết hợp giữa tính vật chất của kỹ thuật và tính tinh thần của biểu cảm đã tạo nên giá trị đặc thù cho ngôn ngữ đồ họa, góp phần khẳng định vị trí của tranh khắc kim loại trong bối cảnh mỹ thuật đương đại.

#### **2.4. Đặc trưng không gian trong tranh khắc kim loại**

Không gian trong tranh khắc kim loại không được kiến tạo theo nguyên tắc phối cảnh tuyến tính cổ điển, mà chủ yếu được hình thành thông qua sự vận hành tổng hợp của các yếu tố tạo hình như tương phản sáng – tối, tổ chức mảng hình, hệ thống đường nét và sự chồng lớp sắc độ trên bề mặt in lõm. Trong đó, tương phản sáng – tối đóng vai trò nền tảng, giúp xác lập quan hệ hình – nền, đồng thời tạo ra cảm giác về chiều sâu và khối trong một không gian vốn mang tính phẳng của đồ họa. Sự phân bố các mảng sáng và tối không chỉ nhằm mô tả hình thể mà còn là phương tiện điều hướng thị giác, dẫn dắt ánh nhìn của người xem theo những trục thị giác nhất định, qua đó hình thành nhịp điệu không gian mang tính chủ ý.

Bên cạnh đó, việc tổ chức mảng hình và đường nét góp phần quan trọng trong việc cấu trúc hóa không gian thị giác. Các mảng hình được phân chia theo nguyên tắc gần – xa, lớn – nhỏ, đặc – rộng, tạo nên hệ thống phân tầng không gian rõ rệt nhưng không tách biệt cứng nhắc. Hệ thống đường nét với sự biến đổi linh hoạt về độ dày – mảnh, nông – sâu không chỉ xác định biên giới của hình mà còn tham gia trực tiếp vào việc kiến tạo chiều sâu thị giác thông qua nhịp điệu tuyến tính. Đặc biệt, trong kỹ thuật in lõm, đường nét còn mang tính vật chất rõ rệt do được hình thành từ các rãnh khắc, vì vậy mỗi biến đổi nhỏ trong xử lý nét đều ảnh hưởng đến cảm nhận không gian của toàn bộ tác phẩm.

Một yếu tố then chốt khác là sự chồng lớp sắc độ, được tạo nên thông qua quá trình khắc, ăn mòn và xử lý bề mặt kim loại. Khác với hội họa truyền thống, nơi sắc độ có thể được pha trộn trực tiếp trên bề mặt, trong tranh khắc kim loại, sắc độ được tích lũy theo lớp thông qua độ sâu của rãnh khắc và mật độ xử lý bề mặt. Nhờ đó, nghệ sĩ có thể tạo ra các lớp không gian liên tiếp, từ tiền cảnh đến trung cảnh và hậu cảnh, mà không cần dựa vào quy luật viễn cận tuyến tính. Chính cơ chế này tạo nên một kiểu không gian đặc thù – không gian mang tính đồ họa, vừa phẳng vừa sâu, vừa rõ ràng về cấu trúc nhưng vẫn giàu tính gợi và cảm xúc.

Hơn nữa, sự kết hợp giữa các yếu tố trên còn giúp duy trì tính mạch lạc của bố cục và sự cân bằng thị giác trong tổng thể tác phẩm. Không gian trong tranh khắc kim loại vì vậy không chỉ đóng vai trò là nền tảng tổ chức hình ảnh, mà còn là phương tiện biểu đạt nội dung và cảm xúc. Thông qua việc kiểm soát sắc độ, đường nét và cấu trúc mảng hình, nghệ sĩ có thể chuyển tải những trạng thái không gian khác nhau, từ tĩnh lặng, trầm mặc đến chuyển động, mơ hồ, góp phần làm phong phú ngôn ngữ biểu đạt của loại hình này trong mỹ thuật đương đại (Phạm Trung Dũng, 2015).

#### **2.5. Phân tích cấu trúc hình ảnh và chiến lược thị giác qua một số tác phẩm tiêu biểu**

Thay vì tiếp cận theo hướng liệt kê nhiều tác phẩm, nghiên cứu lựa chọn một số trường hợp tiêu biểu nhằm phân tích sâu cấu trúc hình ảnh và chiến lược thị giác trong

tranh khắc kim loại Việt Nam đương đại. Qua đó, làm rõ cách thức nghệ sĩ chuyển hóa kỹ thuật chế bản thành ngôn ngữ biểu đạt mang tính cá nhân và bản sắc.

Trường hợp *Trăng non* của Lê Huy Tiếp cho thấy một cấu trúc thị giác dựa trên nguyên tắc tiết chế và tương phản. Toàn bộ bố cục được tổ chức xoay quanh mối quan hệ giữa vùng sáng được chứa lại và trường tối chiếm ưu thế, trong đó ánh sáng không chỉ là yếu tố mô tả mà đóng vai trò như trục tổ chức hình ảnh. Chiến lược thị giác ở đây là thu hẹp điểm nhìn, tập trung thị giác vào vùng sáng nhỏ nhằm tạo cảm giác tĩnh lặng, sâu và giàu tính chiêm niệm. Sự vận dụng các kỹ thuật như mezzotint hay aquatint không dừng lại ở chức năng kỹ thuật, mà đã được chuyển hóa thành phương tiện biểu đạt trạng thái nội tâm và không gian cảm xúc.



**Hình 1.** Tác phẩm "Trăng non", kích thước 10 x 10cm, (2005), Hoạ sĩ Lê Huy Tiếp, Nguồn: Tác giả tự chụp

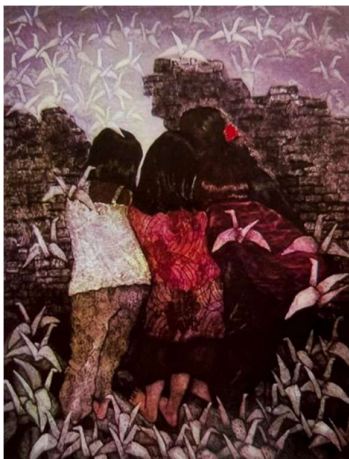
Ở tác phẩm *Tuổi thơ* của Nguyễn Hải Hòa, cấu trúc hình ảnh lại được xây dựng theo hướng lan tỏa và mềm hóa ranh giới hình – nền. Các mảng màu trầm ấm kết hợp với hệ thống hạt stram và nét khắc nhẹ tạo nên một bề mặt thị giác giàu chất cảm, trong đó hình tượng không hiện lên một cách sắc nét mà mang tính gợi nhớ, mơ hồ. Chiến lược thị giác của tác phẩm không nằm ở sự tương phản mạnh mà ở sự dẫn dắt ánh nhìn thông qua các vùng chuyển sắc và nhịp điệu mảng màu, từ đó tạo nên cảm giác hồi niệm và chiều sâu tâm lý. Màu sắc trong trường hợp này giữ vai trò như một yếu tố ký ức, góp phần định hình không gian cảm xúc của tác phẩm.



**Hình 2.** Tác phẩm "Tuổi Thơ", kích thước 85 x 60cm, (2012), Hoạ sĩ Lê Nguyễn Hải Hòa

Nguồn: Tác giả tự chụp

Trong khi đó, *Trộm nhìn* lại cho thấy sự chuyển dịch sang cấu trúc hình ảnh mang tính căng thẳng và phân mảnh. Hình và nền được tổ chức đan xen, không tách biệt rõ ràng, tạo nên trạng thái thị giác nửa kín nửa hở. Hệ thống đường nét với các biến thể dày – mảnh, đứt – nối, xiên – cong tạo nên nhịp điệu bất ổn, gợi cảm giác quan sát gián tiếp và tâm lý dè dặt. Chiến lược thị giác của tác phẩm nằm ở việc trì hoãn nhận thức thị giác, buộc người xem tham gia vào quá trình giải mã hình ảnh, qua đó trải nghiệm trực tiếp trạng thái "trộm nhìn" như một hành vi tâm lý.



**Hình 3.** Tác phẩm "Trộm nhìn", kích thước 77 x 60cm, (2009), Hoạ sĩ Lê Nguyễn Hải Hòa

Nguồn: Tác giả tự chụp

Đối với *Chuyến du hành trong mưa*, yếu tố nổi bật là cách tổ chức không gian nhiều lớp thông qua hệ thống sắc độ và đường nét. Không gian không được xây dựng theo phối cảnh tuyến tính mà hình thành từ sự chồng lớp của các mảng sáng – tối và sự phân bố dày

– thừa của nét khắc. Hiệu ứng mưa trở thành một yếu tố thị giác làm mềm các ranh giới không gian, tạo nên cảm giác chuyển động và tính liên tục của trường nhìn. Chiến lược thị giác ở đây hướng đến việc tạo ra một không gian trải nghiệm, nơi người xem không chỉ quan sát mà còn “di chuyển” trong cảm giác thị giác được kiến tạo bởi bề mặt in lõm.



**Hình 4.** Tác phẩm “Chuyến du hành trong mưa”, kích thước 80 x 60cm, (2009), Hoạ sĩ Lê Nguyễn

Hải Hòa, Nguồn: Tác giả tự chụp

Từ các trường hợp phân tích có thể nhận thấy, tranh khắc kim loại Việt Nam đương đại không chỉ thể hiện sự đa dạng về kỹ thuật mà còn cho thấy sự hình thành các chiến lược thị giác khác nhau, gắn với tư duy tạo hình và ngữ cảnh sáng tác của từng nghệ sĩ. Việc đi sâu vào phân tích cấu trúc hình ảnh cụ thể giúp làm rõ cách thức vận hành của các yếu tố tạo hình, đồng thời góp phần nhận diện bản sắc thẩm mỹ của loại hình này trong bối cảnh mỹ thuật đương đại.

### 3. KẾT LUẬN

Tranh khắc kim loại Việt Nam đương đại đã từng bước khẳng định vị thế của mình thông qua những thành tựu đáng kể về kỹ thuật và ngôn ngữ tạo hình, bất chấp những hạn chế về cơ sở vật chất, điều kiện đào tạo và môi trường thị trường nghệ thuật. Sự chủ động tìm tòi của các nghệ sĩ, cùng với quá trình tiếp thu và cải biến các kỹ thuật hiện đại, đã góp phần hình thành diện mạo mới cho loại hình này trong bối cảnh mỹ thuật đương đại Việt Nam.

Từ góc độ phân tích mỹ thuật học, có thể nhận diện một số đặc trưng nổi bật của tranh khắc kim loại Việt Nam hiện nay, bao gồm: (1) khả năng xử lý ánh sáng tinh tế thông qua các kỹ thuật như mezzotint, aquatint và phương pháp chừa sáng; (2) hệ thống màu sắc thiên về gam trầm, tạo nên sự hài hòa và chiều sâu phù hợp với đặc tính của kỹ thuật in lõm; (3) ngôn ngữ đường nét giàu tính biểu cảm, phản ánh rõ cá tính sáng tạo của nghệ sĩ; và (4) cấu trúc không gian được tổ chức theo hướng phân lớp sắc độ, kết hợp linh hoạt giữa mảng và nét, tạo nên chiều sâu thị giác đặc trưng. Những yếu tố này không chỉ góp phần định hình bản sắc riêng của tranh khắc kim loại Việt Nam mà còn khẳng định giá trị thẩm mỹ và vai trò của loại hình trong đời sống nghệ thuật đương đại.

Trên phương diện khoa học, nghiên cứu đã hệ thống hóa các yếu tố tạo hình cơ bản trong mối quan hệ với kỹ thuật in lõm, qua đó góp phần nhận diện ngôn ngữ tạo hình đặc thù của tranh khắc kim loại. Đồng thời, thông qua việc lựa chọn và phân tích một số tác phẩm tiêu biểu, nghiên cứu đã làm rõ quá trình tiếp thu và chuyển hóa kỹ thuật từ bối cảnh quốc tế vào thực tiễn sáng tác trong nước, qua đó nhấn mạnh tính chủ động và sáng tạo của nghệ sĩ Việt Nam trong việc hình thành bản sắc riêng. Bên cạnh đó, việc kết hợp phân tích hình thức với so sánh đối chiếu quốc tế cũng góp phần mở rộng hướng tiếp cận nghiên cứu đồ họa theo hướng liên ngành và hội nhập.

Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế. Phạm vi khảo sát còn giới hạn ở một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu, chưa phản ánh đầy đủ sự đa dạng của thực hành tranh khắc kim loại trong bối cảnh hiện nay. Phương pháp tiếp cận chủ yếu dựa trên phân tích mỹ thuật học, trong khi các yếu tố liên quan đến bối cảnh xã hội, thị trường nghệ thuật và sự tiếp nhận của công chúng chưa được xem xét một cách toàn diện. Ngoài ra, việc so sánh với bối cảnh quốc tế mới dừng lại ở mức khái quát, chưa đi sâu vào các trường hợp cụ thể hoặc các xu hướng kỹ thuật chuyên biệt trong thực hành đương đại.

Từ những hạn chế đó, các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng phạm vi khảo sát, tăng cường tiếp cận liên ngành và đào sâu phân tích so sánh quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh các xu hướng lai ghép kỹ thuật và ứng dụng công nghệ số đang ngày càng phát triển. Điều này không chỉ giúp hoàn thiện nhận thức về đặc trưng thẩm mỹ của tranh khắc kim loại Việt Nam mà còn góp phần xác định rõ hơn vị trí và tiềm năng phát triển của loại hình này trong dòng chảy nghệ thuật toàn cầu.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bamber Gascoigne (1986), *A Guide to Prints*, London: Thames & Hudson.
2. Castleman, R. (1988), *Prints of the Twentieth Century: A History*, New York: Thames & Hudson.
3. Đỗ Huy. (2001), *Mỹ học đại cương*, Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
4. Gascoigne, B. (2004), *How to Identify Prints: A Complete Guide to Manual and Mechanical Processes from Woodcut to Inkjet*, London: Thames & Hudson.
5. Griffiths, A. (1996), *Prints and Printmaking: An Introduction to the History and Techniques*, London: British Museum Press.
6. Hayter, S. W. (1962), *New Ways of Gravure*, Oxford: Oxford University Press.
7. Ivins, W. M. (1953), *Prints and Visual Communication*, Cambridge, MA: Harvard University Press.
8. Lê Huy Tiếp (1995–2005), *Các tác phẩm khắc kim loại*, Triển lãm Mỹ thuật Toàn quốc.
9. Lê Quốc Bảo (2002), *Kỹ thuật tranh in*, TP. Hồ Chí Minh: Trường Đại học Mỹ thuật TP.HCM.
10. Lê Thanh Đức (2005), *Đồ họa tạo hình*, Hà Nội: NXB Mỹ thuật.

11. Nguyễn Hải Hòa, (2008–2012), *Loạt tranh in đồng về tuổi thơ*, Triển lãm Đồ họa Việt Nam.
12. Nguyễn Nghĩa Phương (2005), *Vì cuộc sống bình yên*, Triển lãm Đồ họa Quốc gia.
13. Nguyễn Quân (2010), *Mỹ thuật Việt Nam thế kỷ XX*, Hà Nội: NXB Tri thức.
14. Nguyễn Thái Lai (2007), *Giáo trình kỹ thuật in đồ họa*, Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
15. Nguyễn Văn Huyền (2012), *Cơ sở lý luận mỹ thuật*, Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
16. Parry, L. (Ed.). (1996), *William Morris*, London: V&A Publications.
17. Phạm Trung Dũng (2015), *Cơ sở tạo hình trong nghệ thuật đồ họa*, Hà Nội: NXB Mỹ thuật.
18. Phạm Việt Song (2010), *Nghệ thuật đồ họa Việt Nam hiện đại*, Hà Nội: NXB Mỹ thuật.
19. Phan Cẩm Thượng (2013), *Mỹ thuật Việt Nam trong tiến trình lịch sử*, Hà Nội: NXB Văn hóa Thông tin.
20. Ross, J., Romano, C., & Ross, T. (2018), *The Complete Printmaker: Techniques, Traditions, Innovations*, New York: Free Press.
21. Trần Ngọc Thọ (2010), *Ngôn ngữ tạo hình trong nghệ thuật đồ họa Việt Nam*, Hà Nội: NXB Mỹ thuật.
22. Trần Văn Cẩn (2001), *Mỹ thuật Việt Nam hiện đại*, Hà Nội: NXB Mỹ thuật.

#### ARTISTIC AND TECHNICAL CHARACTERISTICS OF METAL ENGRAVING IN CONTEMPORARY VIETNAMESE PRINTMAKING

*Nguyen Thi Khuyen*

**Abstract:** *Metal engraving is one of the most complex techniques in printmaking, requiring a high level of integration between material knowledge, plate-making skills, and visual thinking. In the context of limited training conditions and technical facilities for graphic arts in Vietnam, metal engraving has nevertheless developed significantly since 1976, as evidenced by the diversity of techniques, color, light, line, and spatial organization in artistic practice. This paper analyzes the technical characteristics of contemporary Vietnamese metal engraving, clarifying the role of light and color in the language of visual expression, while also examining line quality and spatial organization in selected works by artists such as Le Huy Tiep, Dang Minh Thanh, Nguyen Hai Hoa, Bao Tan, and Nguyen Nghia Phuong. The findings indicate that contemporary Vietnamese metal engraving has established a distinctive identity, harmoniously integrating traditional techniques with modern methods, thereby affirming its position within the landscape of contemporary art.*

**Keywords:** *metal engraving; intaglio printmaking; graphic art; contemporary Vietnamese printmaking.*

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 18-11-2025; ngày phản biện đánh giá: 12-12-2025; ngày chấp nhận đăng: 20-01-2026)*